TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Ngô Minh Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tô Thị T**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (Giấy ủy quyền ngày 05/12/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1977 và bà **Dương Thị D,** sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Tạm trú: 227/26, khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/6/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Tô Thị T (có ông Lê Văn P đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Nguyên trước đây, bà Tô Thị T làm chủ hụi, thành viên chơi hụi có vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị D tham gia 08 chưng hụi gồm:

- Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/7/2017 âm lịch, gồm 20 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 12 phần, còn lại 08 phần là 40.000.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 đồng mở ngày 01/5/2017 âm lịch, gồm 20 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 15 phần, còn lại 05 phần là 15.000.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 04/3/2017 âm lịch, gồm 22 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 17 phần, còn lại 05 phần là 10.000.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/11/2017 âm lịch, gồm 20 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 07 phần, còn lại 13 phần là 26.000.000 đồng.

- Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2017 âm lịch, 03 tháng khui 01 lần, gồm 16 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 06 phần, còn lại 10 phần là 50.000.000 đồng.

- Hụi nữa tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/9/2017 âm lịch, gồm 21 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 17 phần, còn lại 04 phần là 4.000.000 đồng.

- Hụi tuần 500.000 đồng mở ngày 17/4/2018 âm lịch, gồm 32 phần, ông S và bà D vô 01 phần, đã đóng 09 phần, còn lại 23 phần là 11.500.000 đồng.

- Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch, gồm 21 phần, hốt đầu kêu 800.000 đồng đóng 4.200.000 đồng tổng số tiền là 84.000.000 đồng trừ đầu thảo 2.500.000 đồng. Còn lại là 81.500.000 đồng vợ chồng ông S, bà D đóng lại hụi chết 20 phần là 100.000.000 đồng.

- Tiền mượn 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

* Tổng cộng: 296.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Đã nhiều lần đến trao đổi với vợ chồng ông S bà D để trả số tiền hụi và tiền nợ trên cho bà T nhưng vợ chồng ông S bà D cứ hẹn mà không chịu trả, hiện nay vợ chồng ông S bà D cố tình né tránh, không chịu trả tiền để bà trả cho các hụi viên khác nên bà buộc vợ chồng ông S và bà D phải trả cho bà số tiền 296.500.000 đồng. Nếu vợ chồng ông S bà D không trả tiền cho bà từ thời điểm này thì vợ chồng ông S bà D phải trả lãi cho bà theo lãi suất ngân hàng quy định.

Bà Tô Thị T yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị D trả cho

bà số tiền 296.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình giải quyết, nguyên đơn khởi kiện bổ sung về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 195.000.000 đồng. Do nguyên đơn bị mất sổ ghi hụi về các chân hụi: Hụi nữa tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/9/2017 âm lịch, gồm 21 phần và hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch, gồm 21 phần. Đối với tiền mượn 16.000.000 đồng thì nguyên đơn không có ghi biên nhận nên xin rút yêu cầu các phần này. Tổng số tiền nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là 101.500.000 đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Theo Biên bản lấy lời khai đề ngày 19/4/2023, bị đơn bà Dương Thị D trình bày:

Bà có tham gia nhiều dây hụi với bà Tô Thị T, do khó khăn phải đi làm ăn xa nên không đóng hụi đầy đủ cho bà T. Hiện nay bà còn nợ bà T nhiều dây hụi nhưng tổng số nợ chỉ khoảng 170.000.000 đồng, số tiền 296.500.000 đồng như bà T trình bày là không đúng, bà không có mượn 16.000.000 đồng của bà T. Bà đồng ý trả cho bà T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ 170.000.000 đồng. Ông S là chồng bà tuy có ký tên trong giấy nhận tiền nhưng ông S không có tham gia chơi hụi, do ông S đi chung nên bà T mới cho ông S ký vào những giấy tờ. Hiện ông S không có ở nhà nên không cho lời khai được. Đối với từng chân hụi cụ thể thế nào bà không nhớ rõ, chỉ nhớ còn thiếu 170.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị D để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông S và bà D vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn ông Lê Văn P trình bày: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/6/2023. Giữ nguyên yêu cầu đối với 02 chân hụi: Hụi nữa tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/9/2017 âm lịch, gồm 21 phần và hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch, gồm 21 phần. Đối với tiền mượn 16.000.000 đồng thì

nguyên đơn không có ghi biên nhận nên xin rút yêu cầu phần này. Nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với 08 chân hụi với tổng số tiền là 280.500.000 đồng. Không yêu cầu bị đơn trả tiền mượn 16.000.000 đồng. Nhưng theo sự thừa nhận của bị đơn còn nợ tiền hụi nguyên đơn là 170.000.000 đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 170.000.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có giao dịch hụi từ năm 2017. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền hụi chết tổng số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn bà D và ông S. Tòa án có tiến hành các thủ thục tống đạt hợp lệ, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không tham gia hòa giải.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà D ngày 19/4/2023, bà D xác nhận "có tham gia chơi nhiều dây hụi với bà Tô Thị T, do khó khăn đi làm ăn xa nên bà D không đóng hụi đầy đủ cho bà T. Hiện bà D còn nợ bà T nhiều dây hụi nhưng tổng số tiền khoảng 170.000.000 đồng. Bà D đồng ý trả cho bà T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt số nợ 170.000.000 đồng". Việc lấy lời khai của bị đơn tại địa chỉ cư trú có người chứng kiến và xác nhận của chính quyền địa phương, đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ lời trình bày của nguyên đơn cũng như thừa nhận của bị đơn, xác định được việc giao dịch hụi giữa các đương sự và việc bị đơn bà D còn nợ tiền hụi chết của nguyên đơn bà T là có thật, do đó yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn S - chồng bà D: Bà D cho rằng "tuy ông S có ký tên trong giấy nhận tiền nhưng ông S không có tham gia chơi hụi, do ông S đi chung nên bà T cho ông S ký vào những giấy tờ này." Lời khai này của bị đơn thể hiện rõ ràng ông S có biết việc bà D tham gia chơi hụi và có nhận tiền hụi cùng với bà D. Hơn nữa trên giấy giao nhận tiền hụi có chữ ký của ông S, do đó cần buộc ông S có trách nhiệm liên đới với bà D trả số tiền hụi còn thiếu cho bà T.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 166, Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng góp hụi, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét giao dịch dân sự:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phía nguyên đơn cho rằng: Bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị D có tham gia chơi hụi do nguyên đơn bà Tô Thị T là chủ hụi. Ông S và bà D có tham gia 08 dây hụi gồm: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/7/2017 âm lịch, gồm 20 phần; Hụi 3.000.000 đồng mở ngày 01/5/2017 âm lịch, gồm 20 phần; Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 04/3/2017 âm lịch, gồm 22 phần; Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/11/2017 âm lịch, gồm 20 phần; Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2017 âm lịch, gồm 16 phần; Hụi tuần 500.000 đồng mở ngày 17/4/2018 âm lịch, gồm 32 phần; Hụi nữa tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/9/2017 âm lịch, gồm 21 phần và hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch, gồm 21 phần.

Theo đó, bà D có ký tên vào các danh sách hụi, ông S và bà D có ký tên vào các Biên nhận khi giao tiền hụi của chân hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2017 âm lịch, gồm 16 phần và Biên nhận ngày 15/5/2018 của chân hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải tranh chấp tiền hụi ngày 26/10/2022 của Tổ hòa giải khu vực T, phường T, bà D

thừa nhận có chơi 03 dây hụi gồm: Hụi 3.000.000 đồng ngày 01/5/2017 âm lịch; Hụi 2.000.000 đồng ngày 04/3/2017 âm lịch; Hụi mùa 5.000.000 đồng ngày 30/01/2017 âm lịch. Số tiền còn nợ là 79.000.000 đồng, còn những dây hụi khác và số tiền 16.000.000 đồng thì bà D không có chơi và không có mượn, bà D hứa sẽ trả hàng tháng 500.000 đồng cho bà T.

Như vậy, đây là cơ sở khẳng định giữa bà T và bà D, ông S có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng góp hụi là sự thật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp, gồm:

- Giấy ghi danh sách hụi khui ngày 06/7/2017 âm lịch là văn bản do chính nguyên đơn thực hiện, hụi 5.000.000 đồng, hụi khui ngày 06/7/2017 âm lịch, gồm 20 phần, chủ hụi là bà T. Theo đó, nguyên đơn có ghi nhận tên Vợ S là bà D có trong danh sách giao kết hụi theo số thứ tự số 13. Trong đó, có ghi nhận rồi ngày 06/3/2018 âm lịch chết 08 phần x 5.000.000 sống 11 phần x 100/700 = 81.500.000 đồng. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 12 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Trong Giấy ghi danh sách hụi thể hiện có sự xác nhận ký tên của bà D là S, D1 (tên thường gọi của bà D). Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 07 lần x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng. (1)

- Giấy ghi danh sách hụi khui ngày 01/5/2017 âm lịch là văn bản do chính nguyên đơn thực hiện, hụi 3.000.000 đồng, hụi khui ngày 01/5/2017 âm lịch, gồm 20 phần, chủ hụi là bà T. Theo đó, nguyên đơn có ghi nhận tên Vợ S là bà D có trong danh sách giao kết hụi theo số thứ tự số 8. Trong đó, có ghi nhận rồi ngày 01/6/2017 sống 17 phần x 2.400.000 chết 02 phần x 3.000.000 = 45.300.000 đồng. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 15 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Trong Giấy ghi danh sách hụi thể hiện có sự xác nhận ký tên của bà D là D1 (tên thường gọi của bà D). Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 04 lần x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng. (2)

- Đối với chân hụi 2.000.000 đồng mở ngày 04/3/2017 âm lịch, gồm 22 phần thì nguyên đơn bị mất sổ ghi hụi nhưng bị đơn có thừa nhận có tham gia dây hụi này khi hòa giải ở khu vực ngày 26/10/2022. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 17 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 04 lần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng. (3)

- Danh sách tên hụi viên ngày 15/11/2017 âm lịch là văn bản do chính nguyên đơn thực hiện, hụi 2.000.000 đồng, hụi khui ngày 15/11/2017 âm lịch, gồm 20 phần, chủ hụi là bà T. Theo đó, nguyên đơn có ghi nhận tên Vợ S là bà D có trong danh sách giao kết hụi theo số thứ tự số 7. Trong đó, có ghi nhận rồi ngày 15/4/2018 âm lịch sống 10 phần x 1.700.000 chết 09 phần x 2.000.000 = 34.000.000 đồng. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 07 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Trong Giấy ghi danh sách hụi thể hiện có sự xác nhận ký tên của bà D là D1 (tên thường gọi của bà D). Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 12 lần x 2.000.000 đồng = 24.000.000 đồng. (4)

- Danh sách tên hụi viên ngày 30/01/2017 âm lịch và Giấy ghi danh sách hụi khui ngày 30/01/2017 âm lịch là văn bản do chính nguyên đơn thực hiện, hụi 5.000.000 đồng, hụi khui ngày 30/01/2017 âm lịch, gồm 16 phần, chủ hụi là bà T. Theo đó, nguyên đơn có ghi nhận tên Vợ S là bà D có trong danh sách giao kết hụi theo số thứ tự số 4. Trong đó, có Biên nhận giao tiền hụi cho ông S bà D, ông bà có ký tên nhận tiền. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 06 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng. (5)

- Giấy ghi danh sách hụi khui ngày 17/4/2018 âm lịch là văn bản do chính nguyên đơn thực hiện, hụi 500.000 đồng, hụi khui ngày 17/4/2018 âm lịch, gồm 32 phần, chủ hụi là bà T. Theo đó, nguyên đơn có ghi nhận tên Vợ S là bà D có trong danh sách giao kết hụi theo số thứ tự số 29. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 09 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Phía sau có ghi nhận Nguyễn Văn S nhận số tiền 12.350.000 đồng. Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 22 lần x 500.000 đồng = 11.000.000 đồng. (6)

- Đối với chân hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch, gồm 21 phần, chân hụi này không có danh sách hụi viên và sổ ghi hụi nhưng ông S, bà D có ký tên vào Biên nhận ngày 15/5/2018, phía sau có ghi nhận: Hụi khui 06/5/2018 hụi 5.000.000 đồng hốt đầu; 20 phần x 4.200.000 đồng = 84.000.000 đồng – 2.500.000 đồng (đầu thảo) = 81.500.000 đồng. Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 20 lần x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng. (7)

- Đối với chân hụi nữa tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/9/2017 âm lịch, gồm 21 phần, nguyên đơn đã làm mất sổ ghi hụi, danh sách hụi viên và không có biên nhận. Ông S, bà D đã đóng hụi đến lần thứ 17 thì kêu hốt hụi nhưng sau đó không đóng lại tiền hụi chết cho bà T. Ông S, bà D phải đóng lại hụi chết 03 lần x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng. (8)

Tổng cộng bị đơn phải đóng lại hụi chết cho nguyên đơn tổng số tiền cụ thể: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) + (8) = 238.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu đồng) nhưng cần xem xét lại tính hợp pháp của một chứng cứ theo quy định pháp luật của từng tài liệu nêu trên.

Tuy nhiên, theo Biên bản hòa giải tranh chấp tiền hụi ngày 26/10/2022 của Tổ hòa giải khu vực T, phường T, bà D thừa nhận có chơi 03 dây hụi gồm: Hụi 3.000.000 đồng ngày 01/5/2017 âm lịch; Hụi 2.000.000 đồng ngày 04/3/2017 âm lịch; Hụi mùa 5.000.000 đồng ngày 30/01/2017 âm lịch. Đồng thời, theo lời trình bày của bà D tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 19/4/2023, bà có tham gia nhiều dây hụi với bà Tô Thị T, do khó khăn phải đi làm ăn xa nên không đóng hụi đầy đủ cho bà T. Hiện nay bà còn nợ bà T nhiều dây hụi nhưng tổng số nợ chỉ khoảng 170.000.000 đồng, số tiền 296.500.000 đồng như bà T trình bày là không đúng, bà không có mượn 16.000.000 đồng của bà T. Bà đồng ý trả cho bà T 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ 170.000.000 đồng. Các tài liệu này đáp ứng yêu cầu của một chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua đó, cho thấy ông S và bà D có tham gia các dây hụi do bà T là chủ hụi, ông S và bà D có hốt hụi và nợ lại là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với số tiền mượn 16.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Đây là sự tự nguyện định đoạt của phía nguyên đơn, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng bị đơn thừa nhận còn nợ tiền hụi chết là 170.000.000 đồng, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 170.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Về trách nhiệm thanh toán:

Đại diện nguyên đơn cho rằng: Quá trình giao dịch, ông S và bà D có tham gia chơi hụi của bà T, ông S biết việc chơi hụi của bà D và có ký tên nhận tiền vào các Biên nhận, đây là giao dịch thực hiện trong thời kỳ hôn nhân nên bà T yêu cầu trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng đối với ông S và bà D.

Bị đơn vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2023 bà D cho rằng, ông S là chồng bà tuy có ký tên trong giấy nhận tiền nhưng ông S không có tham gia chơi hụi, do ông S đi chung nên bà T mới cho ông S ký vào những giấy tờ.

Xét thấy, bà D có ký tên vào các danh sách hụi, ông S và bà D có ký tên vào Biên nhận khi giao tiền hụi của chân hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2017 âm lịch, gồm 16 phần và Biên nhận ngày 15/5/2018 của chân hụi 5.000.000 đồng mở ngày 06/5/2018 âm lịch thể hiện có sự xác nhận ký tên của ông bà, do đó, đại diện nguyên đơn cho rằng ông S có biết việc bà D chơi hụi và cùng tham gia chơi hụi của bà T, việc tham gia chơi hụi thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông S và bà D để phục vụ cuộc sống gia đình nên nguyên đơn yêu cầu trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng đối với ông S và bà D là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn về việc giải quyết vụ án là phù hợp. Lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch hụi. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền nợ hụi là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166; Điều 357; Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị T. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thị D trả cho bà Tô Thị T số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 7.413.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003727 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng